

Số: 32/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lò Mí H; Sinh năm 1975;

Căn cước công dân số: 002075007380, cấp ngày 26/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Tuyên Quang);

- Bị đơn: Chị Giàng Thị D; Sinh năm 1971;

Căn cước số: 002171004206, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã L, tỉnh Tuyên Quang);

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Mí H và chị Giàng Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Mí H và chị Giàng Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lò Mí H và chị Giàng Thị D thỏa thuận:

Giao cho chị Giàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cháu Lò Thị Hồng K, sinh ngày 01/5/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lò Mí H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh H và chị D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Lò Mí H tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Lò Mí H đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0000895 ngày 04/5/2026, anh Lò Mí H được hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Chị Giàng Thị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Lũng Tám, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Đình Vĩ